

Giới thiệu đề tài nghiên cứu khoa học xã hội

1. Hệ giá trị gia đình Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học (nghiên cứu trường hợp tỉnh Thái Bình).

- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Lê Ngọc Văn
- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 - 2013 đến tháng 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 31 - 3 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Đề tài Nghiên cứu sự vận hành của hệ giá trị gia đình Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Những nguyên nhân xã hội của sự hình thành và biến đổi hệ giá trị gia đình. Những vấn đề xã hội đặt ra từ sự vận hành và biến đổi hệ giá trị gia đình đối với nghiên cứu khoa học và giải pháp chính sách xây dựng hệ giá trị gia đình Việt Nam hiện nay.

- Những đóng góp mới của đề tài:

Thứ nhất, đề tài đã làm rõ các khái niệm về giá trị gia đình, hệ giá trị gia đình, các cách tiếp cận lý thuyết nghiên cứu hệ giá trị gia đình, và đề xuất một khung phân tích nghiên cứu hệ giá trị gia đình.

Thứ hai, khái lược được hệ giá trị gia đình Việt Nam trong lịch sử theo 3 giai đoạn: 1. Giai đoạn trước khi tiếp xúc với văn hóa, văn minh Phương Tây; 2. Giai đoạn tiếp xúc với văn hóa, văn minh Phương Tây; 3. Giai đoạn từ khi nước Việt Nam độc lập (1945) đến trước Đổi mới.

Thứ ba, phân tích sự biến đổi của hệ giá trị gia đình Việt Nam (trường hợp tỉnh Thái Bình) trên ba hợp phần: (1) các giá trị thuộc lĩnh vực kinh tế - vật chất và thể chất; (2) các giá trị trong quan hệ giữa con người với con người; (3) các giá trị trong đời sống

tinh thần, tâm linh, tín ngưỡng. Và trả lời cho câu hỏi: gia đình Việt Nam hiện nay đang sống với những giá trị nào.

Thứ tư, chỉ ra được sự tương đồng và khác biệt giữa các nhóm xã hội trong việc lựa chọn giá trị gia đình.

Thứ năm, làm rõ tính liên tục và sự thay đổi về giá trị giữa các thế hệ trong gia đình.

- Đề tài xếp loại: Khá.

MN

2. Chính lý, nghiên cứu, đánh giá giá trị và lập hồ sơ khoa học khu di tích Hoàng thành Thăng Long

- Chủ nhiệm dự án: PGS.TS. Bùi Minh Trí

- Cơ quan chủ trì dự án: Trung tâm Nghiên cứu Kinh Thành

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 - 2013 đến tháng 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 11 - 05 - 2015

- Nội dung nghiên cứu:

Nghiên cứu các loại hình di tích kiến trúc, trong đó đầu tư cho công tác nghiên cứu hệ thống hóa các cơ sở dữ liệu về các loại hình di tích kiến trúc của các thời kỳ dựa trên kết quả nghiên cứu về phân kỳ giai đoạn lịch sử và đặc trưng kỹ thuật xây dựng; xây dựng và hoàn thiện hệ thống hồ sơ tư liệu và hồ sơ khoa học về di tích khu A-B và C-D.

Nghiên cứu, chính lý phân loại và hệ thống hóa hồ sơ tư liệu về các loại hình di vật mẫu đã thực hiện công tác lựa chọn để đo vẽ, chụp ảnh, lập phiếu đăng ký hiện vật, dập hoa văn từ những năm 2004 - 2013. Trên cơ sở đó lập danh mục, xây dựng cơ sở dữ liệu, nghiên cứu đánh giá về loại

hình, nguồn gốc, niên đại các loại hình di vật mẫu và đề xuất kế hoạch nghiên cứu, lập hồ sơ về di vật vào các năm tiếp theo.

- Những đóng góp mới của dự án:

Thứ nhất, dự án di chuyển an toàn, sắp xếp bảo quản 145 khối xuống tầng hầm Nhà Quốc hội; di chuyển 1.177m³ gạch ngói, 3.012 di vật đá từ khu C-D sang khu Thành cổ Hà Nội, di chuyển 3.021 kết hiện vật của khu E sang khu Thành cổ Hà Nội và khu vực trưng bày dưới tầng hầm nhà Quốc hội, đáp ứng tiến độ bàn giao trước ngày 30/4/2014...

Thứ hai, dự án đánh giá được giá trị của di tích khu C-D, A-B; thu thập được tư liệu về di tích khu E; hệ thống hóa các cơ sở dữ liệu tại các hố D02, D07 và D04-06; đánh giá được giá trị về các loại hình di tích ở khu CD nhằm cung cấp cơ sở tư liệu phục vụ cho công tác lập hồ sơ khoa học vào năm 2015.

- Dự án xếp loại: Khá.

MN

3. Nghiên cứu xây dựng bách khoa thư ngành Văn học

- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Lại Văn Hùng

- Cơ quan chủ trì đề tài: Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 - 2013 đến tháng 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 11 - 5 - 2015

- Nội dung nghiên cứu:

- Xác định khuôn mẫu biên soạn bách khoa thư cho một chuyên ngành, để từ đó làm dạng thức biên soạn chung áp dụng cho các chuyên ngành khác.

- Lập khuôn mẫu cho bách khoa thư ngành Văn học.

- Những đóng góp mới của đề tài:

Thứ nhất, đề tài đã xây dựng được khung kết cấu của một bộ Bách khoa thư chuyên

ngành, định nghĩa lại khái niệm Bách khoa toàn thư; xác định loại hình của Bách khoa toàn thư mà Việt Nam sẽ biên soạn; nêu rõ cấu trúc của một Bách khoa toàn thư chuyên ngành; (tên mục từ, chú thích, nội dung mục từ, hình ảnh minh họa và thư mục tham khảo).

Thứ hai, đề tài đã khảo sát được kinh nghiệm biên soạn Bách khoa thư Văn học của một số quốc gia như: Pháp, Liên Xô (trước đây), Nga, Trung Quốc, cũng như kinh nghiệm biên soạn các công trình Bách khoa của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú. Điều đó giúp cho người biên soạn hiện nay có cách nhìn hiện đại về cơ cấu của bộ Bách khoa thư chuyên ngành Văn học.

Thứ ba, đề tài đã trình bày được quy mô cấu trúc và tiêu chí lựa chọn mục từ của bộ Bách khoa toàn thư Văn học như: quy mô của Bách khoa thư Văn học, các khái niệm cơ bản liên quan mật thiết đến văn học, vị trí của Bách khoa thư Văn học trong Bách khoa toàn thư Việt Nam nói chung, các chuyên ngành văn học, các nhóm chủ đề lớn của Bách khoa toàn thư Văn học, cấu trúc của Bách khoa thư Văn học, tiêu chí lựa chọn mục từ cho bộ Bách khoa thư Văn học.

Thứ tư, đề tài xây dựng được thể lệ phương pháp và quy tắc biên soạn mục từ của bộ Bách khoa thư Văn học để bảo đảm tính chuẩn mực, hiện đại của tri thức; tính tinh gọn, chính xác của tư liệu; tính thuận lợi dễ dàng khi tra cứu. Đó là: thể lệ về bảng chữ viết tắt, thể lệ đánh dấu ký hiệu; quy tắc về chính tả tiếng Việt, quy tắc về phiên âm phiên chuyển tiếng nước ngoài...

Thứ năm, đề tài đã xây dựng Bảng mục từ theo phân ngành; Bảng mục từ tổng hợp; đồng thời biên soạn thử nghiệm một số mục từ.

- Xếp loại đề tài: Khá

MN

4. Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Lào và tác động của nó đối với Lào và quan hệ Lào - Việt Nam.

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Trương Duy Hòa
- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 1 - 2013 đến tháng 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 14 - 5 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Lào; Phân tích các tác động của sự gia tăng ảnh hưởng này đối với Lào và quan hệ Lào - Việt Nam.

- Những đóng góp mới của đề tài:

Thứ nhất, đề tài tổng quan được các mục tiêu và lợi ích chiến lược của Trung Quốc tại Lào qua các khía cạnh tiếp cận: Vị trí chiến lược của Lào tại Đông Nam Á; Tầm quan trọng của Lào trong chiến lược đối ngoại của Trung Quốc (vị thế của khu vực Đông Nam Á đối với Trung Quốc, Lào dần trở thành một vị trí chiến lược đối với Trung Quốc); Mục tiêu chiến lược của Trung Quốc tại Lào.

Thứ hai, Làm rõ sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Lào và các phản ứng từ phía Lào. Phân tích các lĩnh vực, hình thức, con đường và quy mô gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Lào như: quan hệ chính trị - ngoại giao Trung - Lào; các đòn bẩy viện trợ kinh tế, viện trợ phát triển, đầu tư, trao đổi thương mại, văn hóa, giáo dục - đào tạo; gia tăng ảnh hưởng qua hoạt động di dân và vai trò kết nối của người Hoa. Tìm hiểu nhận thức và phản ứng của Lào thông qua các văn kiện hợp tác trong các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa - giáo dục đến an ninh - quốc phòng.

Thứ ba, Đánh giá được tác động của Trung Quốc đối với sự phát triển của Lào (tác động chi phối của Trung Quốc tới Lào về chính trị - ngoại giao, tác động của Trung

Quốc đối với sự phát triển kinh tế ở Lào, tới bản sắc văn hóa dân tộc Lào, tới quan hệ Lào - Việt Nam). Qua đó, dự báo ảnh hưởng của Trung Quốc đối với Lào về chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa - xã hội, và gợi ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Lào thông qua hợp tác song phương và đa phương, các chính sách ứng xử với Trung Quốc...

- Đề tài xếp loại: Khá.

MN

5. Nông thôn đồng bằng Bắc Bộ (từ thế kỷ X đến năm 1884)

- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Nguyễn Đức Nhuận

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Sử học

- Thời gian thực hiện: Từ 01 - 2013 đến 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 02 - 06 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu một cách tổng quát những vấn đề cơ bản về nông thôn đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam thời Trung đại trên các lĩnh vực hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, tôn giáo - tín ngưỡng từ thế kỷ X đến năm 1884; đưa ra một số kiến nghị phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay.

- Những đóng góp mới của đề tài:

Thứ nhất, làm rõ thêm những chính sách cũng như mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa các triều đại quân chủ Việt Nam (từ triều Lý, Trần, Lê sơ qua thời Mạc, Lê Trung hưng đến triều Nguyễn) với nông thôn, cụ thể là đối với làng xã vùng đồng bằng Bắc Bộ trên các lĩnh vực chính trị - hành chính (bộ máy, điều chỉnh cương vực), những chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, an sinh xã hội...

Thứ hai, làm rõ thêm những hoạt động kinh tế nông nghiệp truyền thống (như chế độ ruộng đất, sản xuất nông nghiệp, hoạt

động thủ công nghiệp, thương nghiệp), đời sống văn hóa - xã hội (như phong tục tập quán, đời sống tín ngưỡng tôn giáo, văn học và diễn xướng dân gian...) của nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ từ thế kỷ X đến năm 1884.

Thứ ba, rút ra một số nhận xét về đặc điểm kinh tế - xã hội vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ (có truyền thống về nông nghiệp lúa nước, thủ công nghiệp phổ biến nhưng còn manh mún, thương nghiệp và đô thị ra đời sớm nhưng không phát triển, có tính chất cộng đồng làng xã bền vững, xã hội nông thôn bị phong kiến hóa sâu sắc, dân số đồng bằng tăng trưởng nhanh nhưng không đều); về tâm lý, tính cách của cư dân nơi đây (có tính tập thể, có kết cộng đồng, trọng đạo đức, cần kiệm, giản dị, trung thực, tinh thần yêu nước nồng nàn, bất khuất).

Thứ tư, đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục những mặt tiêu cực, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp trong công cuộc xây dựng và phát triển nông thôn mới hiện nay. Đó là xác định rõ quan hệ sở hữu ruộng đất một cách thích hợp và lâu dài; hình thành và phát triển mạnh mẽ mối quan hệ kinh tế giữa thành thị và nông thôn; đẩy mạnh việc ứng dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp; duy trì và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tích cực (tinh thần cố kết cộng đồng, tinh thần yêu nước...) hạn chế những tác động tiêu cực của tư tưởng, phong tục, tập quán lạc hậu (phép vua thua lệ làng, mê tín, dị đoan...)

- Đề tài xếp loại: Khá.

BH

6. Nông thôn đồng bằng Bắc Bộ từ năm 1954 đến năm 1965

- Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Đinh Quang Hải

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Sử học

- Thời gian thực hiện: Từ 01 - 2013 đến 12 - 2014

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 02 - 06 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Nông thôn đồng bằng Bắc Bộ từ sau ngày hòa bình lập lại năm 1954 (tập trung phân tích làm rõ hai vấn đề chính là tình hình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ sau ngày hòa bình lập lại (năm 1954) và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới); hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, từng bước cải thiện đời sống nông dân đồng bằng Bắc Bộ (1954 - 1957); cải tạo thành phần kinh tế cá thể, sản xuất nhỏ, xác lập thành phần kinh tế tập thể ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ (1958 - 1960); nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

- Những đóng góp mới của đề tài:

Thứ nhất, làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trên tất cả các lĩnh vực như: vấn đề sở hữu ruộng đất ở nông thôn, cách thức, trình độ tổ chức và quản lý sản xuất, lực lượng lao động và quan hệ lao động ở nông thôn. Trong đó làm rõ hai nội dung quan trọng nhất, có nhiều “vấn đề” nhất của giai đoạn lịch sử này là công cuộc Cải cách ruộng đất và công cuộc Hợp tác hóa nông nghiệp.

Thứ hai, làm rõ được các hình thức phân phối sản phẩm; về thực trạng đời sống vật chất và đời sống văn hoá tinh thần của nông dân. Đưa ra được đánh giá về những mặt thành công cũng như những mặt còn hạn chế trong việc xây dựng và phát triển nông thôn ở đồng bằng Bắc Bộ trước đây.

Thứ ba, bằng những số liệu, dẫn chứng xác thực, sinh động được khai thác từ Trung tâm lưu trữ quốc gia, các thư viện... đề tài đã cho thấy sự chuyển biến nhiều mặt của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Trong

điều kiện hoà bình mới được lập lại trên Miền Bắc và một nửa đất nước vẫn còn chiến tranh, nông thôn đồng bằng Bắc Bộ đã tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế (1955 - 1957); phát triển kinh tế, phát triển văn hóa (1958 - 1960) và thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) làm nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa thực hiện nghĩa vụ của hậu phương lớn chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn Miền Nam.

Thứ tư, góp phần cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn, rút ra những bài học lịch sử giúp các cơ quan chức năng hoạch định chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn hiện nay. Đó là:

+ Về Cải cách ruộng đất: cần phải xác định đúng mục tiêu cách mạng và có biện pháp thực hiện phù hợp với thực tiễn xã hội Việt Nam, phải phù hợp với từng địa phương cụ thể trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng có liên quan đến người dân đang sinh sống làm ăn trên địa bàn nông thôn, một địa bàn vô cùng quan trọng, đặc biệt là đối với một quốc gia nông nghiệp như Việt Nam.

+ Về phong trào Hợp tác hóa nông nghiệp: cần gắn kinh tế gia đình với kinh tế hợp tác xã, đặc biệt cần phát huy tích cực vai trò kinh tế chủ thể. Cùng với đó, trong quá trình quản lý và phát triển các hợp tác xã cần tránh tư tưởng chủ quan, nóng vội, bệnh thành tích, chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã. Đồng thời, phải chấp nhận và khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần, tôn trọng quy luật khách quan của lịch sử, tôn trọng nguyên tắc tự nguyện.

+ Về mô hình nông trường quốc doanh: cần thay đổi cách quản lý nông trường quốc doanh, để mỗi nông trường quốc doanh được “tự chủ” trong hoạt động sản xuất và kinh doanh; cần có một “nhóm chính sách

riêng”, “nhóm chính sách đặc thù” để ưu tiên cho mô hình sản xuất hàng hoá nông nghiệp lớn.

- Đề tài xếp loại: Khá.

BH

7. Nghiên cứu hệ thống di tích thời đại Đá vùng thượng du sông Ba, tỉnh Gia Lai

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Gia Đồi

- Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khảo cổ học

- Thời gian thực hiện: từ tháng 4 - 2014 đến 4 - 2015

- Thời gian nghiệm thu cấp Bộ: 11 - 6 - 2015

- Nội dung nghiên cứu: Điều tra thám sát, thu thập tư liệu, lập bản đồ phân bố, xác định tính chất, đặc trưng, niên đại; phác thảo diện mạo văn hóa tiền sử hệ thống di tích, sưu tập di vật thời đại Đá vùng thượng du sông Ba, tỉnh Gia Lai; nghiên cứu so sánh, tìm hiểu mối quan hệ văn hóa giữa hệ thống di tích thời đại Đá vùng thượng du sông Ba với các khu vực khác ở Việt Nam, Đông Nam Á và Châu Á.

- Những đóng góp mới của đề tài:

Thứ nhất, phát hiện được 13 di tích chứa các công cụ thời đại Đá cũ ở vùng thượng du sông Ba. Có 5 di tích ở thị xã An Khê được cho là thuộc giai đoạn sơ kỳ Đá cũ và 8 di tích ở các huyện K'Bang, Đăk Pơ và K'Bang thuộc giai đoạn hậu kỳ Đá cũ. Ngoài ra, ở khu vực này còn phát hiện được 13 di tích thuộc giai đoạn hậu kỳ Đá mới, trong đó có 8 di tích mang tính chất công xưởng chế tác rìu/bôn đá có vai bằng nguyên liệu đá opal.

Thứ hai, việc xác định di tồn văn hóa giai đoạn sơ - trung kỳ thời đại Đá cũ ở khu vực thượng du sông Ba với kỹ nghệ rìu tay/biface có niên đại cách ngày nay hàng chục vạn năm cùng với các hóa thạch người vượn ở Thẩm Khuyên - Thẩm Hai (Lạng Sơn) minh chứng cho sự xuất hiện của những người vượn Homo erectus đầu

tiên có mặt tại Việt Nam. Đây là một điểm trong những di tồn văn hóa của nhân loại thể hiện quá trình tiến hóa, di cư của những Homo erectus trên thế giới. Hệ thống di tích và sưu tập di vật sơ kỳ Đá cũ ở thượng du sông Ba không tương đồng với bất cứ di tồn văn hóa nào đã biết ở Việt Nam cho đến nay. Nghiên cứu so sánh cho thấy hệ thống di tích, di vật này có nét gần gũi với một số di tích ở khu vực châu Á như Bách Sắc (Trung Quốc), Chongokni (Hàn Quốc) và có thể với các địa điểm ở thung lũng Lenggong (Malaysia).

Thứ ba, phát hiện các di tích, di vật thuộc hậu kỳ Đá cũ ở thượng du sông Ba đã bổ sung thêm nhận thức về cơ tầng hậu kỳ Đá cũ ở Tây Nguyên bên cạnh kỹ nghệ Sơn Vi ở Bắc Việt Nam, sưu tập công cụ Đá cũ ở lớp dưới di chỉ Lung Leng (Kon Tum) cũng như di tồn văn hóa hậu kỳ Đá cũ ở Nam Trung Quốc và Đông Nam Á lục địa.

Thứ tư, việc phát hiện và nghiên cứu bước đầu về hệ thống di tích hậu kỳ Đá mới ở thượng du sông Ba với đặc trưng là các công xưởng chế tác rìu/bôn đá có vai đã góp phần tìm hiểu về phương thức kinh tế, tổ chức xã hội và giao lưu văn hóa của cư dân tiền sử vùng thượng du sông Ba với các vùng khác ở Tây Nguyên và miền Trung Việt Nam. Các di tích công xưởng chế tác rìu/bôn đá hậu kỳ Đá mới ở thượng du sông

Ba có những nét gần gũi với các di tích công xưởng ở phía Nam Gia Lai - Đông Đắc Lắc như Chư K' tu và Taipêr.

Thứ năm, đề tài đã đưa ra hai kiến nghị: 1) Cần có các kế hoạch khảo sát, khai quật, nghiên cứu quy mô để nhận thức sâu, củng cố và phát triển những ý tưởng khoa học về thời đại Đá cũ ở vùng thượng du sông Ba, bổ sung vào nhận thức về sự xuất hiện con người tối cổ trên đất nước ta cũng như tìm hiểu cơ cấu kinh tế, quá trình chuyển hóa sản xuất, trao đổi sản phẩm, phân công lao động, tổ chức xã hội, sự tương tác, giao lưu văn hóa giữa các cộng đồng cư dân tiền sử ở thượng du sông Ba với Tây Nguyên và bồi cảnh rộng hơn; 2) Hiện nay, đa số các di tích khảo cổ học thời đại Đá vùng thượng du sông Ba đang trong tình trạng bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị phá hủy do các hoạt động của nhân dân địa phương như khai thác đất đá, đào ao hồ, xây dựng nhà cửa, các công trình thủy lợi, chế biến nông sản và sự bào mòn của sông suối. Vì vậy, các ngành, các cấp có thẩm quyền cần phải có ngay phương án quy hoạch bảo vệ những di tích quan trọng, đồng thời cần đầu tư khai quật một số di tích trọng điểm đang bị xâm hại, góp phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

- Đề tài xếp loại: Xuất sắc.

BH

Hội thảo khoa học

1. Trách nhiệm xã hội và đạo đức báo chí trong kỷ nguyên số

Ngày 10 tháng 6 năm 2015, tại Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với viện Konrad Adenauer Stiftung (Đức) tổ chức hội thảo “Trách nhiệm xã hội và đạo đức báo chí trong kỷ nguyên số”. Hội

thảo là một trong những hoạt động thiết thực kỷ niệm 90 năm ngày báo chí Cách mạng Việt Nam.

Tại hội thảo, các đại biểu đã phân tích những bài học kinh nghiệm, những giải pháp, cơ chế, phương thức điều hành quản lý và tác nghiệp báo chí nhằm nâng cao chất lượng nội dung tác phẩm, hoàn thành

tốt trách nhiệm xã hội và gìn giữ sự trong sáng của đạo đức nghề nghiệp, xây dựng được niềm tin với công chúng; những vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội và đạo đức báo chí trong kỷ nguyên số, những nguyên tắc để đảm bảo trách nhiệm xã hội và để khai thác mặt tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực từ những thông tin thiếu trách nhiệm của báo chí...

Theo ông Lưu Đình Phúc, Phó Cục trưởng Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền thông, thông tin báo chí đang tải cần bảo đảm tính khách quan, trung thực, bảo đảm tính tuyên truyền với các giá trị chân - thiện - mỹ, nâng cao nhận thức cho người đọc, người xem. Khi công chúng không còn tin vào báo chí, vai trò định hướng dư luận xã hội của báo chí sẽ không đạt hiệu quả như mong muốn. Trên cơ sở những quy tắc nghề nghiệp, các nhà báo cần có những chuẩn mực đạo đức, bao hàm trong đó là trách nhiệm xã hội. Tổng biên tập, phó tổng biên tập, người phụ trách các ban chuyên môn cần phát huy vai trò trách nhiệm của mình; phóng viên, biên tập viên khi được tuyển dụng vào cơ quan báo chí cần được đào tạo và đào tạo lại về những quy tắc, chuẩn mực báo chí...

Nhà báo Hữu Thọ, nguyên Trưởng Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương cho rằng, nói về đạo đức báo chí là nói đến việc liên quan đến đời sống sinh hoạt tinh thần của con người. Vì vậy, cần có những quy ước, quy định về đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp. Tâm lý của con người muốn nghe thông tin nhiều chiều. Tuy nhiên, trong mạng xã hội, thật giả, xấu tốt lẫn lộn, cái giả nhiều hơn cái thật, điều đó “xô đẩy” niềm tin của giới trẻ. Tuy nhiên, mạng xã hội là một sự tiến bộ của văn minh nhân loại, cần cố gắng chọn lọc, “sống chung” với nó, phải có bản lĩnh, thái độ đối với sự hỗn độn hiện nay.

Nhà báo Lê Duy Truyền, Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam cho rằng, báo chí chính thống cần ứng xử với truyền thông xã hội như một công cụ trong quá trình phát triển của báo chí đương đại. Đối với hoạt động của Thông tấn xã Việt Nam, cần đa dạng hóa nguồn tin; tăng cường sự hiện diện của phóng viên tại nhiều nước và vùng lãnh thổ; tìm kiếm thông tin từ những trang báo phản ánh sự thật.

Một số đại biểu cho rằng, thông tin trên mạng xã hội thường thiếu sự kiểm chứng; các nhà báo cần hành động để biến những thách thức trong kỷ nguyên số thành cơ hội cho báo chí phát triển; các nhà báo phải nâng cao đạo đức nghề nghiệp trong đó trước hết phải cung cấp thông tin chân thật, khách quan; lãnh đạo các cơ quan báo chí cần nêu cao tinh thần gương mẫu trong thực hiện những quy định về đạo đức báo chí Việt Nam; Hội Nhà báo Việt Nam cần phát huy hơn nữa vai trò bảo vệ quyền lợi hội viên, tạo dư luận phản đối những vi phạm đạo đức nghề báo...

LM

2. Phát triển con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế: thành tựu, thách thức và giải pháp

Ngày 07 tháng 7 năm 2015, tại thành phố Đà Nẵng, Viện Nghiên cứu Con người đã tổ chức hội thảo “Phát triển con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế: thành tựu, thách thức và giải pháp”.

Hội thảo tập trung bốn nội dung chính: *thứ nhất*, kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới về phát triển con người trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; *thứ hai*, những thành tựu, hạn chế về phát triển con người của nước ta hiện nay trên các chiều cạnh khác nhau (kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, quyền, an ninh, môi

trường,...); *thứ ba*, những thách thức và tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến sự phát triển con người trong giai đoạn hiện nay; *thứ tư*, các giải pháp nhằm hạn chế mặt yếu, phát huy mặt mạnh, hóa giải các thách thức và tác động tiêu cực của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến phát triển con người.

Các báo cáo tham luận được trình bày trong 2 phiên của Hội thảo.

Phiên thứ nhất - *Những vấn đề chung về phát triển con người và kinh nghiệm quốc tế*, các diễn giả chia sẻ những vấn đề chung về phát triển con người của một số quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, và một số quốc gia Đông Nam Á,... Qua đó, so sánh với phát triển con người ở Việt Nam và chỉ ra những thách thức cũng như bài học kinh nghiệm đối với phát triển con người của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Phiên thứ hai - *Những vấn đề thực tiễn về phát triển con người ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, tập trung phân tích, thảo luận về những thách thức đối với phát triển con người ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Đó là sự tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, biến đổi khí hậu, an ninh quốc gia và an ninh con người,... đến phát triển con người. Từ đó, đề xuất một số giải pháp hướng đến mục tiêu phát triển bền vững con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Tại Hội thảo, ngoài những ý kiến chia sẻ, các nhà khoa học, các chuyên gia còn nêu ra những thách thức đối với phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo như: việc làm bền vững của ngư dân ven biển trong bối cảnh đảm bảo an ninh biển đảo; chăm sóc sức khỏe của người dân vùng sâu, vùng xa; chất lượng giáo dục và

dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong quá trình hội nhập hướng đến mục tiêu phát triển con người; phát triển nguồn nhân lực khi Việt Nam tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)...

Hội thảo là diễn đàn khoa học để các nhà nghiên cứu, các chuyên gia và các nhà quản lý chỉ ra những thách thức và đề xuất những giải pháp nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

LM

3. Hội thảo quốc tế kỷ niệm 250 năm sinh đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 2015)

Nhân kỷ niệm 250 năm ngày sinh đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 2015), ngày 8/8/2015, tại Hà Nội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm) và UBND tỉnh Hà Tĩnh đã phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế với chủ đề “Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại”.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương đã gửi lời chào mừng nồng nhiệt tới Hội thảo và khẳng định trong suy nghĩ của người dân Việt Nam, di sản văn hoá của Nguyễn Du là sản phẩm kết tinh trí tuệ, tâm hồn và vẻ đẹp văn hoá dân tộc Việt, cùng thời gian, những di sản ấy đã trở thành một phần tinh hoa của văn hoá nhân loại.

Tổ chức Hội thảo nhân kỷ niệm 250 ngày sinh Nguyễn Du chính là hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm bảo tồn, tôn vinh và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước mà Nghị quyết 33 của Hội nghị lần thứ IX Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã đặt ra.

Phát biểu chào mừng Hội thảo, GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Viện Hàn lâm nêu rõ: Đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 16/9/1820) tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh), sinh ở kinh thành Thăng Long và lớn lên giữa một thời tao loạn, chứng kiến biết bao cuộc đổi thay. Ở chặng đường tiếp nối hai thế kỷ, thơ Nguyễn Du là đỉnh cao của tiếng nói nhân văn, đồng hành với những thăng trầm lịch sử và đời sống tinh thần dân tộc Việt Nam. Sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Du trải dài suốt cuộc đời, có cả thơ chữ Hán và chữ Nôm, có cả đường thi và lục bát dân tộc,.. Với 55 năm cuộc đời, Nguyễn Du đã để lại di sản thi ca đồ sộ với những bài ca đối đáp đậm chất phiêu du của một thời trai trẻ (Thác lời ca phượng nỏn, Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu), với ba tập thơ chữ Hán (Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục), tổng cộng 250 bài, với văn tế thập loại chúng sinh, sâu thẳm tình người và đặc biệt là Truyện Kiều nổi tiếng khắp thế giới.

Đồng chí Võ Kim Cự, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cho biết: Từ mạch nguồn văn phái Hồng Sơn, nối tiếp dòng văn Tiên Điền, ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm kinh điển thể hiện nỗi đau của những kiếp người, phê phán các thế lực phong kiến tàn bạo, ngợi ca tình yêu, thể hiện niềm khát khao vươn tới công lý và cái đẹp vĩnh hằng. Vì vậy, tên tuổi và các tác phẩm của ông sẽ mãi trường tồn cùng đất nước và thế giới. Việc làm cho các tinh hoa ấy tiếp tục lan toả sâu rộng, thăng hoa trong đời sống tinh thần của dân tộc, hội nhập cùng dòng chảy văn hoá nhân loại là hành động thành kính và thiết thực của chúng ta hướng tới đại lễ kỷ niệm 250 năm ngày

sinh, vinh danh Danh nhân văn hóa thế giới, đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

Các tham luận trình bày tại 2 tiểu ban, tập trung vào hai chủ đề lớn: Cuộc đời, di sản của Nguyễn Du - nhìn từ trong và ngoài quốc gia; Truyện Kiều - Những phương thức diễn dịch và chuyển hóa. Tại chủ đề 1, các nhà khoa học đã cùng nhau thảo luận nhiều vấn đề liên quan đến Nguyễn Du và những di sản văn học do ông để lại nhìn cả từ khía cạnh trong nước và quốc tế; bối cảnh lịch sử, phong cách sáng tác, tác động của Truyện Kiều trong dân gian; di sản và các giá trị tiêu biểu cần phát huy; kinh nghiệm thế giới và triển vọng xây dựng công viên giải trí theo chủ đề dựa trên Truyện Kiều của Nguyễn Du; so sánh văn học,.. Tại chủ đề 2, các nhà khoa học dành nhiều thời gian thảo luận về Truyện Kiều từ tác phẩm đến sự hòa quyện văn hoá Việt Nam; thế giới với Truyện Kiều qua các bản dịch; tình hình nghiên cứu và giảng dạy Truyện Kiều trên thế giới; Truyện Kiều từ góc độ văn học so sánh Đông Á; cách gieo vần và nhân vật trong Truyện Kiều,..

Tổng kết Hội thảo PGS.TS. Vũ Thanh, Phó Viện trưởng Viện Văn học khẳng định nội dung các tham luận cũng như các trao đổi tại Hội thảo là những cứ liệu khoa học quan trọng, góp phần khẳng định những giá trị văn hóa sâu sắc, tồn tại bất biến trong văn học dân gian và đương đại, giúp việc định hình các giá trị nhân văn sâu sắc ngày càng rõ nét trong đời sống xã hội và mở ra nhiều hướng nghiên cứu mới cho giới nghiên cứu văn học nói riêng, ngành xã hội nhân văn nói chung trong thời gian tới nhằm tôn vinh và phát triển những di sản, các giá trị văn học xuyên thời đại của đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới Nguyễn Du.

MN

